

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	119,358,701,408	93,810,617,400	193,414,781,962	149,674,133,828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,748,583,700	2,989,465,037	8,764,759,942	13,348,279,437
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114,610,117,708	90,821,152,363	184,650,022,020	136,325,854,391
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	73,060,656,526	57,541,138,589	120,985,271,186	88,089,934,123
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41,549,461,182	33,280,013,774	63,664,750,834	48,235,920,268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	344,148,749	1,655,579,454	1,473,244,561	2,286,008,960
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	627,866,104	503,319,621	1,063,669,596	511,801,621
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17,058,254	8,670,498	17,058,254	17,152,498
8. Chi phí bán hàng	24		15,952,792,960	14,602,302,386	21,585,036,154	18,743,430,350
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,879,849,816	4,499,687,533	9,429,991,857	6,844,777,202
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20,433,101,051	15,330,283,688	33,059,297,788	24,421,920,055
11. Thu nhập khác	31		585,992,850	502,722,162	604,992,850	729,928,958
12. Chi phí khác	32		8,000,000	-	13,100,000	12,700,000
13. Lợi nhuận khác	40		577,992,850	502,722,162	591,892,850	717,228,958
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,011,093,901	15,833,005,850	33,651,190,638	25,139,149,013
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	5,254,773,475	2,837,633,879	8,415,797,659	4,466,954,433
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15,756,320,426	12,995,371,971	25,235,392,979	20,672,194,580

Ngày 13 tháng 07 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tỷ

Trần Kim Liên